

**CHÍNH PHỦ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2019

***DỰ THẢO 1.1***

## **NGHỊ ĐỊNH**

### **QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC CẠNH TRANH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Cạnh tranh ngày 12 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh.*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định chi tiết các hình thức xử lý vi phạm và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh.
2. Hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh bao gồm:
  - a) Hành vi vi phạm quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh;
  - b) Hành vi vi phạm quy định về lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền;
  - c) Hành vi vi phạm quy định về tập trung kinh tế;
  - d) Hành vi vi phạm quy định về cạnh tranh không lành mạnh;
  - đ) Hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác.

#### **Điều 2. Nguyên tắc xử lý vi phạm**

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.
2. Trong quá trình xử lý hành vi vi phạm, khi phát hiện có dấu hiệu của tội phạm quy định tại Điều 217 Bộ Luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật hình sự năm 2017, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có trách nhiệm chuyển một phần hoặc toàn bộ hồ sơ liên quan đến dấu hiệu của tội phạm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 3. Hình thức xử lý vi phạm và biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm pháp luật về cạnh tranh**

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về cạnh tranh còn có thể bị áp dụng một hoặc một số hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- a) Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm pháp luật về cạnh tranh;
- c) Tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm.

3. Ngoài các hình thức xử phạt theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về cạnh tranh còn có thể bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

- a) Cơ cấu lại doanh nghiệp lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền;
- b) Loại bỏ điều khoản vi phạm pháp luật ra khỏi hợp đồng, thỏa thuận hoặc giao dịch kinh doanh;
- c) Chia, tách, bán lại một phần hoặc toàn bộ vốn góp, tài sản của doanh nghiệp hình thành sau tập trung kinh tế;
- d) Chịu sự kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ hoặc các điều kiện giao dịch khác trong hợp đồng của doanh nghiệp hình thành sau tập trung kinh tế;
- đ) Chịu sự kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ hoặc các điều kiện giao dịch khác trong hợp đồng của doanh nghiệp nhận sáp nhập
- e) Cải chính công khai;
- g) Các biện pháp cần thiết khác để khắc phục tác động của hành vi vi phạm.

#### **Điều 4. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh**

1. Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền là 10% tổng doanh thu của doanh nghiệp có hành vi vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm, nhưng thấp hơn mức phạt tiền thấp nhất đối với các hành vi vi phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự.

2. Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm quy định về tập trung kinh tế là 05% tổng doanh thu của doanh nghiệp vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm.

3. Trường hợp tổng doanh thu của doanh nghiệp có hành vi vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này không xác định được hoặc bằng 0 (không) thì áp dụng hình thức xử phạt chính là cảnh cáo.

4. Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm quy định về cạnh tranh không lành mạnh là 2.000.000.000 đồng.
5. Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi khác vi phạm quy định của Luật này là 200.000.000 đồng.
6. Mức phạt tiền tối đa quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Điều này áp dụng đối với hành vi vi phạm của tổ chức; đối với cá nhân có cùng hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh, mức phạt tiền tối đa bằng một phần hai mức phạt tiền tối đa đối với tổ chức.
7. Khi xác định tiền phạt căn cứ trên tổng doanh thu theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia căn cứ vào Báo cáo tài chính hằng năm của doanh nghiệp đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc thông tin do cơ quan chức năng cung cấp. Trường hợp doanh nghiệp không cung cấp hoặc cung cấp thông tin, số liệu không đúng, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có thể căn cứ vào các thông tin, số liệu tự thu thập hoặc các thông tin, số liệu sẵn có.
8. Tỷ lệ phần trăm theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này do cơ quan có thẩm quyền xác định căn cứ vào một hoặc một số yếu tố sau đây:
  - a) Mức độ nghiêm trọng do hành vi vi phạm gây ra;
  - b) Mức độ thiệt hại hoặc khả năng gây thiệt hại của hành vi vi phạm gây ra đối với đối thủ cạnh tranh, người tiêu dùng;
  - c) Thời gian thực hiện hành vi vi phạm;
  - d) Phạm vi thực hiện hành vi vi phạm;
  - đ) Khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm;
  - e) Các yếu tố cần thiết khác trong từng vụ việc cụ thể.
9. Đối với mỗi tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 6 Nghị định này, mức tiền phạt xác định theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được điều chỉnh giảm hoặc tăng tương ứng 15%.

#### **Điều 5. Bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh gây ra**

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác thì phải bồi thường.
2. Việc bồi thường thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo các quy định của pháp luật về dân sự.

#### **Điều 6. Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng**

1. Tình tiết giảm nhẹ trong xử lý vi phạm các quy định pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh bao gồm:
  - a) Đối tượng vi phạm thừa nhận hành vi vi phạm và đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của hành vi vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại;
  - b) Đối tượng vi phạm thừa nhận hành vi và hợp tác cung cấp chứng cứ, thông tin liên quan đến hành vi vi phạm trong quá trình điều tra, xử lý vụ việc cạnh tranh;
  - c) Hành vi vi phạm chưa gây tác động đáng kể.

2. Tình tiết tăng nặng trong xử lý vi phạm các quy định pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh bao gồm:

- a) Thực hiện nhiều lần hành vi vi phạm trong cùng lĩnh vực;
- b) Thực hiện cùng hành vi vi phạm trong nhiều lĩnh vực khác nhau;
- c) Tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm mặc dù cơ quan có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi đó.

## **Chương II**

### **HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC VÀ MỨC ĐỘ XỬ LÝ ĐỐI VỚI HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ CẠNH TRANH**

#### **Mục 1: HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THỎA THUẬN HẠN CHẾ CẠNH TRANH**

##### **Điều 7. Hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh của các doanh nghiệp trên cùng thị trường liên quan**

1. Phạt tiền tối đa 10% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm của từng doanh nghiệp là các bên tham gia thỏa thuận, nhưng thấp hơn mức phạt tiền thấp nhất được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Thỏa thuận ấn định giá hàng hóa, dịch vụ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp giữa các doanh nghiệp có thị phần kết hợp trên thị trường liên quan từ 30% trở lên;
- b) Thỏa thuận phân chia thị trường tiêu thụ, nguồn cung cấp hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa các doanh nghiệp có thị phần kết hợp trên thị trường liên quan từ 30% trở lên;
- c) Thỏa thuận hạn chế hoặc kiểm soát số lượng, khối lượng sản xuất, mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa các doanh nghiệp có thị phần kết hợp trên thị trường liên quan từ 30% trở lên;
- d) Thỏa thuận ngăn cản, kìm hãm, không cho doanh nghiệp khác tham gia thị trường hoặc phát triển kinh doanh;
- đ) Thỏa thuận loại bỏ khỏi thị trường những doanh nghiệp không phải là các bên tham gia thỏa thuận;
- e) Thỏa thuận hạn chế phát triển kỹ thuật, công nghệ, hạn chế đầu tư giữa các doanh nghiệp có thị phần kết hợp trên thị trường liên quan từ 30% trở lên khi thỏa thuận đó gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể;
- g) Thỏa thuận áp đặt hoặc ấn định điều kiện ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho doanh nghiệp khác hoặc thỏa thuận buộc doanh nghiệp khác chấp nhận các nghĩa vụ không liên quan trực tiếp đến đối tượng của hợp đồng giữa các doanh nghiệp có thị phần kết hợp trên thị trường liên quan từ 30% trở lên khi thỏa thuận đó gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể.

2. Phạt tiền tối đa 10% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm của từng doanh nghiệp là các bên tham gia thỏa thuận đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Thỏa thuận ấn định giá hàng hóa, dịch vụ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp giữa các doanh nghiệp có thị phần kết hợp trên thị trường liên quan dưới 30%;

- b) Thỏa thuận phân chia thị trường tiêu thụ, nguồn cung cấp hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa các doanh nghiệp có thị phần kết hợp trên thị trường liên quan dưới 30%;
- c) Thỏa thuận hạn chế hoặc kiểm soát số lượng, khối lượng sản xuất, mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa các doanh nghiệp có thị phần kết hợp trên thị trường liên quan dưới 30%;
- d) Thỏa thuận phân chia khách hàng;
- đ) Thỏa thuận để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu khi tham gia đấu thầu trong việc cung cấp hàng hóa, cung ứng dịch vụ;
- e) Thỏa thuận hạn chế phát triển kỹ thuật, công nghệ, hạn chế đầu tư giữa các doanh nghiệp có thị phần kết hợp trên thị trường liên quan dưới 30% khi thỏa thuận đó gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể;
- g) Thỏa thuận áp đặt hoặc ấn định điều kiện ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho doanh nghiệp khác hoặc thỏa thuận buộc doanh nghiệp khác chấp nhận các nghĩa vụ không liên quan trực tiếp đến đối tượng của hợp đồng giữa các doanh nghiệp có thị phần kết hợp trên thị trường liên quan dưới 30% khi thỏa thuận đó gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể;
- h) Thỏa thuận không giao dịch với các bên không tham gia thỏa thuận khi thỏa thuận đó gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường;
- i) Thỏa thuận hạn chế thị trường tiêu thụ sản phẩm, nguồn cung cấp hàng hóa, cung ứng dịch vụ của các bên không tham gia thỏa thuận khi thỏa thuận đó gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường;
- k) Thỏa thuận khác gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường.

3. Ngoài việc bị phạt tiền theo quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc một số hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

- a) Tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm;
- b) Buộc loại bỏ những điều khoản vi phạm pháp luật ra khỏi hợp đồng, thỏa thuận hoặc giao dịch kinh doanh;
- c) Các biện pháp cần thiết khác để khắc phục tác động của hành vi vi phạm.

**Điều 8. Hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh của các doanh nghiệp kinh doanh ở các công đoạn khác nhau trong cùng một chuỗi sản xuất, phân phối, cung ứng đối với một loại hàng hóa, dịch vụ nhất định**

1. Phạt tiền tối đa 10% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm của từng doanh nghiệp là các bên tham gia thỏa thuận đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Thỏa thuận ấn định giá hàng hóa, dịch vụ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp khi thỏa thuận đó gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường;
- b) Thỏa thuận phân chia khách hàng, phân chia thị trường tiêu thụ, nguồn cung cấp hàng hóa, cung ứng dịch vụ khi thỏa thuận đó gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường;

- c) Thỏa thuận hạn chế hoặc kiểm soát số lượng, khối lượng sản xuất, mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ khi thỏa thuận đó gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường;
- d) Thỏa thuận để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu khi tham gia đấu thầu trong việc cung cấp hàng hóa, cung ứng dịch vụ;
- đ) Thỏa thuận ngăn cản, kìm hãm, không cho doanh nghiệp khác tham gia thị trường hoặc phát triển kinh doanh;
- e) Thỏa thuận loại bỏ khỏi thị trường những doanh nghiệp không phải là các bên tham gia thỏa thuận;
- g) Thỏa thuận hạn chế phát triển kỹ thuật, công nghệ, hạn chế đầu tư khi thỏa thuận đó gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường;
- h) Thỏa thuận áp đặt hoặc ấn định điều kiện ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho doanh nghiệp khác hoặc thỏa thuận buộc doanh nghiệp khác chấp nhận các nghĩa vụ không liên quan trực tiếp đến đối tượng của hợp đồng khi thỏa thuận đó gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường;
- i) Thỏa thuận không giao dịch với các bên không tham gia thỏa thuận khi thỏa thuận đó gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường;
- k) Thỏa thuận hạn chế thị trường tiêu thụ sản phẩm, nguồn cung cấp hàng hóa, cung ứng dịch vụ của các bên không tham gia thỏa thuận khi thỏa thuận đó gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường;
- l) Thỏa thuận khác gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh khi thỏa thuận đó gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường.

2. Ngoài việc bị phạt tiền theo quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc một số hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

- a) Tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm;
- b) Buộc loại bỏ những điều khoản vi phạm pháp luật ra khỏi hợp đồng, thỏa thuận hoặc giao dịch kinh doanh;
- c) Các biện pháp cần thiết khác để khắc phục tác động của hành vi vi phạm.

## **Mục 2: HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ LẠM DỤNG VỊ TRÍ THỐNG LĨNH THỊ TRƯỜNG, LẠM DỤNG VỊ TRÍ ĐỘC QUYỀN**

### **Điều 9. Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường**

1. Phạt tiền đến 10% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm của doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc từng doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ dưới giá thành toàn bộ dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến loại bỏ đối thủ cạnh tranh;

- b) Áp đặt giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý hoặc ấn định giá bán lại tối thiểu gây ra hoặc có khả năng gây ra thiệt hại cho khách hàng;
- c) Hạn chế sản xuất, phân phối hàng hóa, dịch vụ, giới hạn thị trường, cản trở sự phát triển kỹ thuật, công nghệ gây ra hoặc có khả năng gây ra thiệt hại cho khách hàng;
- d) Áp dụng điều kiện thương mại khác nhau trong các giao dịch tương tự dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến ngăn cản doanh nghiệp khác tham gia, mở rộng thị trường hoặc loại bỏ doanh nghiệp khác;
- đ) Áp đặt điều kiện cho doanh nghiệp khác trong ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa, dịch vụ hoặc yêu cầu doanh nghiệp khác, khách hàng chấp nhận các nghĩa vụ không liên quan trực tiếp đến đối tượng của hợp đồng dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến ngăn cản doanh nghiệp khác tham gia, mở rộng thị trường hoặc loại bỏ doanh nghiệp khác;
- e) Ngăn cản việc tham gia hoặc mở rộng thị trường của doanh nghiệp khác;
- g) Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường bị cấm theo quy định của luật khác.

2. Ngoài việc bị phạt tiền theo quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp vi phạm các quy định về lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường có thể bị áp dụng một hoặc một số hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

- a) Tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm;
- b) Buộc loại bỏ những điều khoản vi phạm pháp luật ra khỏi hợp đồng hoặc giao dịch kinh doanh liên quan;
- c) Buộc cơ cấu lại doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường;
- d) Các biện pháp cần thiết khác để khắc phục tác động của hành vi vi phạm.

### **Điều 10. Hành vi lạm dụng vị trí độc quyền**

1. Phạt tiền đến 10% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm của doanh nghiệp có vị trí độc quyền đối với một trong các hành vi lạm dụng sau đây:

- a) Các hành vi quy định tại điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 9 của Nghị định này;
- b) Áp đặt các điều kiện bất lợi cho khách hàng;
- c) Lợi dụng vị trí độc quyền để đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng đã giao kết mà không có lý do chính đáng;
- d) Hành vi lạm dụng vị trí độc quyền bị cấm theo quy định của luật khác.

2. Ngoài việc bị phạt tiền quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp lạm dụng vị trí độc quyền có thể bị áp dụng một hoặc một số hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

- a) Tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm;
- b) Buộc loại bỏ những điều khoản vi phạm pháp luật ra khỏi hợp đồng hoặc giao dịch kinh doanh liên quan;
- c) Buộc khôi phục các điều kiện phát triển kỹ thuật, công nghệ mà doanh nghiệp đã cản trở;

- d) Buộc loại bỏ các điều kiện bất lợi đã áp đặt cho khách hàng;
- đ) Buộc khôi phục lại các điều khoản hợp đồng, hợp đồng đã thay đổi hoặc hủy bỏ mà không có lý do chính đáng;
- e) Các biện pháp cần thiết khác để khắc phục tác động của hành vi vi phạm.

### **Mục 3: HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ TẬP TRUNG KINH TẾ**

#### **Điều 11. Hành vi sáp nhập doanh nghiệp bị cấm**

1. Phạt tiền doanh nghiệp nhận sáp nhập đến 05% tổng doanh thu trên thị trường liên quan của doanh nghiệp nhận sáp nhập và doanh nghiệp bị sáp nhập trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi sáp nhập bị cấm theo quy định tại Điều 30 của Luật Cạnh tranh.
2. Ngoài việc bị phạt tiền quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp nhận sáp nhập có thể bị áp dụng một hoặc một số hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:
  - a) Buộc chia, tách doanh nghiệp đã sáp nhập;
  - b) Chịu sự kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ hoặc các điều kiện giao dịch khác trong hợp đồng của doanh nghiệp nhận sáp nhập.

#### **Điều 12. Hành vi hợp nhất doanh nghiệp bị cấm**

1. Phạt tiền doanh nghiệp được hình thành sau hợp nhất đến 05% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm của các doanh nghiệp tham gia hợp nhất đối với hành vi hợp nhất bị cấm theo quy định tại Điều 30 của Luật Cạnh tranh.
2. Ngoài việc bị phạt tiền theo quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp hợp nhất có thể bị áp dụng một hoặc một số hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:
  - a) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã cấp cho doanh nghiệp hợp nhất;
  - b) Buộc chia, tách doanh nghiệp hợp nhất;
  - c) Chịu sự kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ hoặc các điều kiện giao dịch khác trong hợp đồng của doanh nghiệp nhận hợp nhất.

#### **Điều 13. Hành vi mua lại doanh nghiệp bị cấm**

1. Phạt tiền đến 05% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm của doanh nghiệp mua lại và doanh nghiệp bị mua lại đối với hành vi mua lại một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác bị cấm theo quy định tại Điều 30 của Luật Cạnh tranh.
2. Ngoài việc bị phạt tiền theo quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp mua lại còn có thể bị áp dụng một hoặc một số hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:
  - a) Buộc bán lại phần tài sản mà doanh nghiệp đã mua;
  - b) Chịu sự kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ hoặc các điều kiện giao dịch khác trong hợp đồng của doanh nghiệp mua lại.

#### **Điều 14. Hành vi liên doanh giữa các doanh nghiệp bị cấm**



1. Phạt tiền đến 05% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm của mỗi bên liên doanh tương ứng đối với hành vi liên doanh bị cấm theo quy định tại Điều 30 của Luật Cạnh tranh.

2. Ngoài việc bị phạt tiền theo quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp liên doanh có thể có thể bị áp dụng một hoặc một số hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

- a) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã cấp cho doanh nghiệp liên doanh;
- b) Chịu sự kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ hoặc các điều kiện giao dịch khác trong hợp đồng của doanh nghiệp liên doanh.

#### **Điều 15. Hành vi không thông báo tập trung kinh tế**

Phạt tiền đến 05% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm của từng doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế mà không thực hiện nghĩa vụ thông báo theo quy định tại Điều 33 của Luật Cạnh tranh.

#### **Điều 16. Hành vi vi phạm pháp luật về tập trung kinh tế bị cấm khác**

Phạt tiền đến 05% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm của từng doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế đối với một trong các hành vi sau đây:

1. Thực hiện tập trung kinh tế khi chưa có thông báo kết quả thẩm định sơ bộ của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật Cạnh tranh, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 36 của Luật Cạnh tranh.
2. Thực hiện việc tập trung kinh tế khi Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia chưa ra quyết định quy định tại Điều 41 của Luật Cạnh tranh trong trường hợp hành vi tập trung kinh tế phải thẩm định chính thức.
3. Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ điều kiện được thể hiện trong quyết định về tập trung kinh tế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 của Luật Cạnh tranh.
4. Thực hiện tập trung kinh tế trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 41 của Luật Cạnh tranh.

### **Mục 4: HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH**

#### **Điều 17. Hành vi xâm phạm thông tin bí mật trong kinh doanh**

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Tiếp cận, thu thập thông tin bí mật trong kinh doanh bằng cách chống lại các biện pháp bảo mật của người sở hữu thông tin đó;
- b) Tiết lộ, sử dụng thông tin bí mật trong kinh doanh mà không được phép của chủ sở hữu thông tin đó.

2. Ngoài việc bị phạt theo khoản 1 Điều này, doanh nghiệp vi phạm còn có thể bị tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm bao gồm cả tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm.

#### **Điều 18. Hành vi ép buộc trong kinh doanh**

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi ép buộc khách hàng, đối tác kinh doanh của doanh nghiệp khác bằng hành vi đe dọa hoặc cưỡng ép để buộc họ không giao dịch hoặc ngừng giao dịch với doanh nghiệp đó.

2. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Ép buộc khách hàng hoặc đối tác kinh doanh lớn nhất của đối thủ cạnh tranh;

b) Hành vi vi phạm được thực hiện trên phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

3. Ngoài việc bị phạt tiền theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, doanh nghiệp vi phạm còn bị tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm bao gồm cả tịch thu khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm.

### **Điều 19. Cung cấp thông tin không trung thực về doanh nghiệp khác**

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin không trung thực về doanh nghiệp khác bằng cách trực tiếp hoặc gián tiếp đưa thông tin không trung thực về doanh nghiệp gây ảnh hưởng xấu đến uy tín, tình trạng tài chính hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đó.

2. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Gièm pha doanh nghiệp khác bằng hành vi trực tiếp đưa ra thông tin không trung thực, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín, tình trạng tài chính và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác;

b) Gièm pha doanh nghiệp khác bằng hành vi gián tiếp đưa ra thông tin không trung thực, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín, tình trạng tài chính và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác trong trường hợp hành vi vi phạm được thực hiện trên phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

3. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này trong trường hợp hành vi vi phạm được thực hiện trên phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

4. Ngoài việc bị phạt tiền theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, doanh nghiệp vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc một số hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

### **Điều 20. Hành vi gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác**

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi gây rối hoạt động kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp khác bằng hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp cản trở, làm gián đoạn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đó.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác làm cho doanh nghiệp bị gây rối không thể tiếp tục tiến hành hoạt động kinh doanh một cách bình thường;

b) Hành vi vi phạm được thực hiện trên phạm vi từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

3. Ngoài việc bị phạt tiền theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, doanh nghiệp vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc một số hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

#### **Điều 21. Hành vi lôi kéo khách hàng bất chính**

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi lôi kéo khách hàng bất chính bằng các hình thức sau đây:

a) Đưa thông tin gian dối hoặc gây nhầm lẫn cho khách hàng về doanh nghiệp hoặc hàng hóa, dịch vụ, khuyến mại, điều kiện giao dịch liên quan đến hàng hóa, dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp nhằm thu hút khách hàng của doanh nghiệp khác;

b) So sánh hàng hóa, dịch vụ của mình với hàng hóa, dịch vụ cùng loại của doanh nghiệp khác nhưng không chứng minh được nội dung.

2. Ngoài việc bị phạt tiền theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, doanh nghiệp vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc một số hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

#### **Điều 22. Hành vi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ dưới giá thành toàn bộ**

Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ dưới giá thành toàn bộ dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến loại bỏ doanh nghiệp khác cùng kinh doanh loại hàng hóa, dịch vụ đó.

### **Mục 5: HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ CẠNH TRANH KHÁC**

#### **Điều 23. Hành vi vi phạm quy định về cung cấp thông tin, tài liệu**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp không đầy đủ thông tin, tài liệu mà mình biết theo yêu cầu của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh;

b) Cung cấp thông tin, tài liệu không đúng thời hạn theo yêu cầu của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không cung cấp thông tin, tài liệu mà mình biết theo yêu cầu của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh;

b) Cố tình cung cấp thông tin, tài liệu gian dối hoặc làm sai lệch thông tin, tài liệu;

c) Cưỡng ép người khác cung cấp thông tin, tài liệu gian dối;

d) Che giấu, tiêu hủy các thông tin, tài liệu liên quan đến vụ việc cạnh tranh.

3. Ngoài việc bị phạt tiền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân vi phạm còn có thể bị buộc phải cung cấp lại các thông tin, tài liệu đầy đủ.

#### **Điều 24. Hành vi vi phạm các quy định khác liên quan đến quá trình điều tra và xử lý vụ việc cạnh tranh**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Cố ý hoặc vô ý tiết lộ thông tin, tài liệu thuộc bí mật điều tra;
- b) Gây rối tại phiên điều trần.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp thông tin, tài liệu bị tiết lộ là đặc biệt quan trọng đối với việc giải quyết đúng đắn vụ việc cạnh tranh.

3. Ngoài việc bị phạt tiền theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm.

### **Điều 25. Hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trước khi có quyết định cho hưởng miễn trừ của cơ quan có thẩm quyền**

Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với từng doanh nghiệp tham gia thỏa thuận hạn chế cạnh tranh thuộc trường hợp được miễn trừ theo quy định tại Điều 14 của Luật Cạnh tranh trước khi có quyết định cho hưởng miễn trừ của Chủ tịch Ủy ban cạnh tranh Quốc gia.

### **Điều 26. Hành vi tổ chức, lôi kéo, vận động, ép buộc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh**

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, vận động, kêu gọi, ép buộc hoặc tổ chức để doanh nghiệp thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh, cạnh tranh không lành mạnh.

## **Chương III**

### **THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ CẠNH TRANH**

#### **Mục 1: THẨM QUYỀN XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ CẠNH TRANH**

### **Điều 27. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia**

Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có các thẩm quyền sau đây:

1. Phạt cảnh cáo;
2. Phạt tiền;
3. Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm;
4. Áp dụng một hoặc một số hình thức xử phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 110 Luật Cạnh tranh;
5. Áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 4 Điều 110 Luật Cạnh tranh;
6. Quyết định miễn, giảm mức phạt tiền theo Chính sách khoan hồng quy định tại Điều 112 Luật Cạnh tranh;
7. Quyết định chuyển một phần hoặc toàn bộ hồ sơ vụ việc cạnh tranh liên quan đến dấu hiệu của tội phạm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

### **Điều 28. Thẩm quyền của Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh**

Đối với hành vi vi phạm quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh có các thẩm quyền sau đây:

1. Phạt cảnh cáo;
2. Phạt tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 111 của Luật Cạnh tranh;
3. Áp dụng biện pháp theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 và các điểm a, b, d, đ, e khoản 4 Điều 110 của Luật Cạnh tranh.

## **Mục 2: THỦ TỤC XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ CẠNH TRANH**

### **Điều 29. Thủ tục xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh**

Thủ tục xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh bao gồm các thủ tục sau đây:

1. Thủ tục xử lý hành vi vi phạm quy định về hành vi hạn chế cạnh tranh, tập trung kinh tế và cạnh tranh không lành mạnh;
2. Thủ tục xử lý hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác.

### **Điều 30. Thủ tục xử lý hành vi vi phạm quy định về hành vi hạn chế cạnh tranh, tập trung kinh tế và cạnh tranh không lành mạnh**

Việc xử lý hành vi vi phạm quy định về hành vi hạn chế cạnh tranh, tập trung kinh tế và cạnh tranh không lành mạnh phải tuân theo trình tự, thủ tục trong tổ tụng cạnh tranh được quy định tại Luật Cạnh tranh và pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 31. Lập biên bản về hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác**

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác quy định tại Mục 5 Chương II của Nghị định này, người có thẩm quyền phải ra lệnh đình chỉ hành vi vi phạm và tiến hành lập biên bản về hành vi vi phạm.
2. Nội dung của biên bản bao gồm:
  - a) Ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản;
  - b) Họ, tên, chức vụ của người lập biên bản;
  - c) Họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp cá nhân vi phạm hoặc tên, địa chỉ tổ chức vi phạm;
  - d) Ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm;
  - đ) Mô tả hành vi vi phạm;
  - e) Các biện pháp ngăn chặn hành chính (nếu có);
  - g) Tình trạng tang vật, phương tiện bị tạm giữ (nếu có);
  - h) Lời khai của cá nhân vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm;
  - i) Họ, tên, địa chỉ, lời khai của người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại (nếu có).
3. Biên bản phải được lập thành ít nhất hai bản; phải được người lập biên bản và cá nhân vi phạm hoặc đại diện của tổ chức vi phạm ký; nếu có người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại thì họ cũng phải ký vào biên bản; trong trường hợp biên bản gồm nhiều tờ, thì

những người được quy định tại khoản này phải ký vào từng tờ biên bản. Nếu cá nhân vi phạm, đại diện của tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại từ chối ký thì người lập biên bản phải ghi rõ lý do vào biên bản.

4. Biên bản lập xong phải được giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm một bản; nếu vi phạm vượt quá thẩm quyền xử lý của người lập biên bản thì người đó phải gửi biên bản đến người có thẩm quyền xử lý.

### **Điều 32. Thời hạn ra quyết định xử lý vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác**

1. Thời hạn ra quyết định xử lý vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác là 10 ngày, kể từ ngày lập biên bản về hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh khác; trong trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn này là 30 ngày.

2. Trong trường hợp xét cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì người có thẩm quyền phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn; việc gia hạn phải bằng văn bản, thời hạn gia hạn không được quá 30 ngày.

3. Quá thời hạn nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, người có thẩm quyền xử phạt không ra quyết định xử phạt nhưng vẫn quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

Người có thẩm quyền xử lý nếu có lỗi trong việc để quá thời hạn mà không ra quyết định xử lý vi phạm thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

### **Điều 33. Quyết định xử lý vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác**

1. Nội dung của quyết định xử lý vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác bao gồm:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Họ, tên, chức vụ của người ra quyết định;

c) Họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của cá nhân vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm;

d) Hành vi vi phạm; những tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm; điều, khoản của văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng;

đ) Hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung (nếu có), các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có);

e) Thời hạn, nơi thi hành quyết định và chữ ký của người ra quyết định;

g) Quyền khiếu nại đối với quyết định xử lý vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định xử lý vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác phải ghi rõ cá nhân, tổ chức bị xử lý nếu không tự nguyện chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành.

3. Quyết định xử lý vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp trong quyết định quy định ngày có hiệu lực khác.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử lý vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử lý phải gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, cơ quan thu tiền phạt và cơ quan liên quan khác (nếu có) để thi hành.

Quyết định xử lý vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác được giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm và thông báo cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt biết.

Đối với trường hợp quyết định được giao trực tiếp mà cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình không nhận quyết định thì người có thẩm quyền lập biên bản về việc không nhận quyết định có xác nhận của chính quyền địa phương và được coi là quyết định đã được giao.

Đối với trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định xử lý đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình không nhận; quyết định xử lý đã được niêm yết tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức bị xử phạt hoặc có căn cứ cho rằng người vi phạm trốn tránh không nhận quyết định xử lý thì được coi là quyết định đã được giao.

### **MỤC 3: THỦ TỤC THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ VỤ VIỆC CẠNH TRANH, QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ VI PHẠM QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ CẠNH TRANH KHÁC**

#### **Điều 34. Chấp hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, quyết định xử lý vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác**

1. Doanh nghiệp bị xử lý vi phạm phải chấp hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh và của Ủy ban cạnh tranh Quốc gia trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh có hiệu lực pháp luật.
2. Tổ chức, cá nhân bị xử lý vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác quy định tại Mục 5 Chương II của Nghị định này phải chấp hành quyết định xử lý vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử lý vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác.
3. Hết thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu tổ chức, cá nhân bị xử lý không tự nguyện thi hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 36 và Điều 37 của Nghị định này.

#### **Điều 35. Nơi nộp tiền phạt**

Tổ chức, cá nhân bị phạt tiền theo quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, quyết định xử lý vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác phải nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước ghi trong quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, quyết định xử lý vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác.

#### **Điều 36. Cưỡng chế thi hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh**

1. Hết thời hạn quy định tại Điều 34 của Nghị định này, tổ chức, cá nhân bị xử lý vi phạm không tự nguyện thi hành, không khởi kiện ra Tòa án theo quy định tại Điều 96 của Luật Cạnh tranh, bên được thi hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này tổ chức thi hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó.
2. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tước các giấy phép, chứng chỉ hành nghề do mình đã cấp cho các doanh nghiệp vi phạm pháp luật về cạnh tranh theo yêu cầu của Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, Ủy ban cạnh tranh Quốc gia trong quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.
3. Các cơ quan có thẩm quyền khác có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp buộc cơ cấu lại doanh nghiệp lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, chia, tách doanh nghiệp đã sáp nhập, hợp

nhất hoặc buộc bán lại phần doanh nghiệp đã mua theo yêu cầu của Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, Ủy ban cạnh tranh Quốc gia trong quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.

4. Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có trụ sở, nơi cư trú hoặc nơi có tài sản của bên phải thi hành có trách nhiệm tổ chức thực hiện phần quyết định liên quan đến tài sản của quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh theo yêu cầu của bên được thi hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.

### **Điều 37. Cường chế thi hành quyết định xử lý vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác**

Hết thời hạn quy định tại Điều 34 của Nghị định này, nếu tổ chức, cá nhân bị xử lý vi phạm không tự nguyện chấp hành quyết định xử lý vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 38. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .... tháng ... năm 2019 và thay thế Nghị định số 71/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 07 năm 2014 về quy định chi tiết Luật Cạnh tranh về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh.

2. Hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh được thực hiện trước thời điểm Luật Cạnh tranh có hiệu lực thì áp dụng quy định xử lý, xử phạt có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm.

#### **Điều 39. Trách nhiệm thi hành**

1. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia có quyền đề nghị Bộ Tài chính phối hợp trong việc xác định khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trại lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2b).PC

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**